

**Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày 11/4/2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Trần Mạnh Hùng và Ông: Nguyễn Ngọc Quân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Ông Đào Thế Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HS ngày 27/3/2018, đối với 02 bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn N; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: xx/x/xxxx, tại Đ, Thanh Hóa; Nơi ĐKKHTT: Thôn Y, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Tổ M, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn U và bà: Nguyễn Thị T; Vợ: Nguyễn Thị P và 02 con: lớn sinh năm xxxx, nhỏ sinh năm xxxx; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: + Ngày 12/6/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh (nay là thành phố C) xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”; + Ngày 28/9/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 16/3/2012; + Ngày 12/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Chấp hành xong bản án ngày 12/5/2015. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 09/7/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị P; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: xx/x/xxxx, tại C, Quảng Ninh; Nơi ĐKKHTT: Tổ S, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Tổ M, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy B và bà: Đinh Thị L; Chồng: Nguyễn Văn N và 02 con: lớn sinh năm xxxx, nhỏ sinh năm xxxx; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 08/7/2017, tạm giữ đến ngày

15/7/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* 1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ S, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Phan Thị Đ, sinh năm xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ B, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Thanh B, Cao Xuân T, Phạm Văn C, Hoàng Mạnh L, Nguyễn Thanh M, Phạm Văn Q, Phạm Đình T, Vũ Minh Đ, Trịnh Văn H, Bùi Đình C, Bùi Thế C, Cao Mai H, Trịnh Thị Thúy H – Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 30/6/2017, tại tổ M, khu N, phường C, thành phố C, Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị P có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy, loại Ketamine cho Nguyễn Thanh B với giá 800.000 đồng. B đem sử dụng một ít, số còn lại bị Công an thu giữ là 0,19gam Ketamine. Khoảng 21 giờ, cùng ngày, tại địa điểm trên Nguyễn Thanh M và Vũ Minh Đ đều có lời khai đã góp tiền để Vũ Minh Đ đến mua 01 túi ma túy đá, loại Methamphetamine với giá 1.200.000 đồng của Nguyễn Văn N sau khi mua được ma túy Đ và M đã cùng sử dụng một ít, số còn lại thì chia nhau, đến sáng ngày 01/7/2017 Đ đem phần ma túy còn lại đến nhà nghỉ T mục đích thuê phòng để sử dụng tiếp thì bị Công an phát hiện, thu giữ được 0,26gam Methamphetamine.

Đến ngày 07/7/2017, cũng tại địa điểm trên, Nguyễn Thị P có hành vi bán trái phép 0,22gam chất ma túy, loại Methamphetamine cho Vũ Minh Đ với giá 300.000 đồng để sử dụng, thì Đ bị Công an phát hiện bắt giữ. Trước đó, ngày 29/6/2017 và ngày 06/7/2017, N và P đã bán trái phép mỗi lần 01 túi ma túy đá cho Vũ Minh Đ với tổng số tiền là 850.000 đồng để Đ sử dụng.

Ngoài ra, Nguyễn Thị P còn có hành vi tàng trữ trái phép 2,07 gam chất ma túy, loại Methamphetamine, 0,18gam chất ma túy, loại Ketamine, 0,79gam chất ma túy, loại Heroine mục đích để bán và 0,29gam chất ma túy, loại Methamphetamine mục đích để sử dụng. Nguyễn Văn N còn có hành vi tàng trữ trái phép 9,52gam chất ma túy, loại Ketamine nhằm mục đích để bán.

Ngày 08/7/2017, tại khu T, phường C, thành phố C, do nghi ngờ Nguyễn Thanh B mua ma túy làm cho P bị bắt, nên Nguyễn Văn N đã có hành vi dùng đèn pin bằng kim loại đánh Nguyễn Thanh B gây thương tích, tổn hại 04% sức khỏe. Ngày 02 tháng 01 năm 2018 anh Nguyễn Thanh B là người bị hại trong vụ án đã có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” của bị cáo Nguyễn Văn N, ngày 10/01/2018 Tòa án nhân dân thành phố C đã ra Quyết định đình chỉ xét xử đối với hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo Nguyễn Văn N.

Tại bản kết luận giám định số 438 ngày 05/7/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon

giữ của Vũ Minh Đ gửi giám định là chất ma túy; Loại Methamphetamine; Trọng lượng: 0,26gam (không phẩy hai sáu gam). Hoàn lại 0,1gam mẫu vật sau giám định. Trong mẫu nước tiểu của Nguyễn Thanh M gửi giám định có chất ma túy; Loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 439 ngày 05/7/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon thu giữ của Nguyễn Thanh B là chất ma túy; Loại Ketamine; Trọng lượng 0,19gam (không phẩy một chín gam). Hoàn lại 0,08gam mẫu vật sau giám định. Trong mẫu nước tiểu của Nguyễn Thanh B gửi giám định có chất ma túy; Loại: Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 455 ngày 11/7/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon thu giữ của Vũ Minh Đ là chất ma túy; Loại: Methamphetamine; Trọng lượng: 0,22gam. Hoàn lại 0,1gam mẫu vật sau giám định.

Tại bản kết luận giám định số 456 ngày 13/7/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận:

- Chất tinh thể màu trắng (kí hiệu M1, M2, M3, M4, M5), chất bột màu trắng (kí hiệu M6, M7), chất bột màu vàng nâu (kí hiệu M8), chất bột màu xanh (kí hiệu M9), viên nén hình trụ tròn màu nâu trên mặt mỗi viên có in chữ “W” (kí hiệu M10), viên nén hình trụ tròn màu xanh trên mặt mỗi viên có in chữ “K” (kí hiệu M11).

+ Mẫu vật kí hiệu M2, M3, M5 là chất ma túy; Loại : Methamphetamine; Trọng lượng lần lượt là: M2: 1,54gam (một phẩy năm bốn gam); M3: 0,53gam (không phẩy năm ba gam); M5: 0,29gam (không phẩy hai chín gam).

+ Mẫu vật kí hiệu M6, M9, M11 là chất ma túy; Loại Ketamine; Trọng lượng lần lượt là: M6: 0,04gam (không phẩy không bốn gam); M9: 0,14gam (không phẩy một bốn gam); M11: 9,52gam (chín phẩy năm hai gam).

+ Mẫu vật kí hiệu M7 là chất ma túy; Loại: Heroine; Trọng lượng: 0,79gam (không phẩy bảy chín gam).

+ Không đủ cơ sở kết luận mẫu vật kí hiệu M1, M4, M8, M10 có phải hay không phải là chất ma túy. Trọng lượng lần lượt là: M1: 15,18gam (mười lăm phẩy mười tám gam); M4: 0,27gam (không phẩy hai bảy gam); M8: 0,24gam (không phẩy hai bốn gam); M10: 0,93gam (không phẩy chín ba gam). Hoàn lại M2: 1,35gam; M3: 0,33gam; M5: 0,1gam; M7: 0,72gam; M11: 7,24gam; M1: 14,46gam mẫu vật sau giám định. Các mẫu vật khác đã giám định hết.

Tại bản kết luận giám định số 4302/C54(TT2), của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: Không tìm thấy các chất ma túy trong tinh thể màu trắng (kí hiệu M1). Hoàn lại 10,92gam mẫu vật sau giám định.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận: Bị cáo và bị cáo P là vợ chồng hợp pháp, đều sử dụng chất ma túy nên thường mua ma túy về nhà để sử dụng, bị cáo thừa nhận tối ngày 29/6/2017 tại ngõ nhà mình bị cáo đã bán cho Đ 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng, sau đó đưa lại cho Đ 500.000 đồng vừa bán ma túy để nhờ Đ mua hộ 01 thẻ VTC trị giá 500.000 đồng, khi Đ mua được thẻ có nhắn tin mã số thẻ cho bị cáo. Đến khoảng 13 giờ ngày 30/6/2017 tại nhà bị cáo, B đã đưa 1.000.000 đồng cho bị cáo và bị cáo bảo gặp P để lấy ma túy, P còn là người trả lại cho B 200.000 đồng tiền thừa. Nguồn gốc túi ma túy đá bán cho Đ ngày 29/6/2017 là của bị cáo mua của 01 thanh niên không rõ lai lịch,

địa chỉ tại Hà Nội vào ngày 27/6/2017 với giá 1.000.000 đồng, bị cáo bán cho Đ một phần số còn lại đã sử dụng hết. Số ma túy cùng với P bán cho B là của P mua để ở nhà khi B hỏi thì bị cáo đồng ý bán, ngoài ra bị cáo không bán ma túy cho ai khác. Trong số ma túy công an khám xét thu giữ tại nhà bị cáo thì bị cáo chỉ biết: 01 túi ma túy Ketamine thu trong két sắt là bị cáo mua của người đàn ông tên C với giá 8.000.000 đồng, bị cáo đã sử dụng 01 viên, đã bán 01 viên nhưng do ma túy chất lượng thấp nên bị cáo đã trả lại tiền, số ma túy 31 viên còn lại nếu có ai mua thì bị cáo bán; còn 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng trong ngăn kéo bàn trang điểm (kí hiệu M1) là do ngày 17/10/2016, bị cáo mua của Lê Thị G tại số nhà T, ngõ TN, phố T, phường T, quận C, Hà Nội, sau đó bị cáo đem về nhà sử dụng nhưng không có cảm giác gì nên cất tại ngăn kéo bàn trang điểm. Các túi ma túy còn lại là của P mua về bị cáo không biết, bị cáo không để ý P đã bán ma túy cho ai, để ma túy ở chỗ nào. Trong số các vật chứng công an thu giữ thì 03 cân tiểu ly điện tử; 24 túi nilon; 01 két sắt có chữ Havico (kích thước 73x35x45)cm; 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá gồm 01 chai nhựa, nắp chai đục lỗ cắm nõ thủy tinh và ống hút nhựa; 01 khay nhựa để đựng ma túy; 03 thẻ điện thoại Viettel, 01 thẻ điện thoại Mobiphone và 01 điện thoại Nokia khi công an bắt giữ bị cáo; tất cả những vật chứng này vợ chồng bị cáo sử dụng vào việc mua bán và sử dụng ma túy. Còn những vật chứng gồm: 01 ví giả da bên trong có 18.200.000 đồng; 02 máy tính bảng, 01 điện thoại di động Iphone màu ghi, 10.000.000 đồng thu trong két sắt; 01 bộ camera gồm có 02 chiếc mắt thần, 01 đầu chia cổng Wifi, 01 thiết bị đầu thu FPT TV, 01 thiết bị báo trộm không dây nhãn hiệu Oulia, 01 điện thoại Sony Ericson đều không liên quan đến việc bị cáo phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để trả lại cho bị cáo, trong tổng số tiền công an thu giữ có 20 triệu đồng là của vợ bị cáo vay của chị H, còn lại là tiền riêng của vợ bị cáo. Chiếc điện thoại Iphone màu đen là của chị Phan Thị Đ cầm để vay của bị cáo số tiền 2 triệu đồng; Chiếc điện thoại Nokia và Iphone màu vàng là của P; Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển số 14B1- xxx.xx bị cáo mua của người không quen biết khi mua không có giấy tờ. Bị cáo thừa nhận có nhân thân xấu đúng như phần lý lịch của bị cáo, tất cả các bản án đều đã được xóa án tích. Cơ quan cảnh sát điều tra bắt giữ khẩn cấp bị cáo vào ngày 09/7/2017 là đúng, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng, không bị oan sai.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị P khai nhận: Bị cáo và bị cáo N là vợ chồng, đều nghiện ma túy, do có nhu cầu sử dụng ma túy loại đá, ke, lắc nên bị cáo cùng N thường mua ma túy của những người không quen biết về sử dụng nếu ai đến hỏi mua thì bị cáo cũng bán. Bị cáo thừa nhận khoảng 15 giờ ngày 07/7/2017 B (tức Vũ Minh Đ) và khoảng 16 giờ ngày 06/7/2017 bị cáo bán cho B (Vũ Minh Đ) 02 gói ma túy đá (Methamphetamine) với tổng số tiền là 650.000 đồng, bị cáo đã nhờ Đ mua 04 thẻ điện thoại và nhận từ Đ 150.000 đồng. Khoảng 13 giờ ngày 30/6/2017 bị cáo cùng với chồng là bị cáo N có bán ma túy cho Nguyễn Thanh B 01 gói ma túy loại Ketamine với giá 800.000 đồng, ngoài ra bị cáo không bán ma túy cho ai khác, không thừa nhận đã bán ma túy cho B từ tháng 5/2017, không thừa nhận đã bán ma túy cho Đ từ tháng 10/2016. Số tiền bán ma túy cho B và cho Đ bị cáo đã chi tiêu sinh hoạt cho gia đình nên không còn. Nguồn gốc số ma túy bán cho Đ và B cũng như số ma túy bị công an thu giữ tại nhà cụ thể như sau: 03 viên nén hình trụ tròn màu nâu, mặt mỗi viên có in hình chữ “W” (kí

hiệu M10) là do người tên G (bạn của N – không rõ lai lịch, địa chỉ) cho vợ chồng bị cáo để sử dụng vào tháng 4/2016, tuy nhiên bị cáo không sử dụng nên cất vào trong ngăn kéo bàn trang điểm.

Túi ma túy Ke, bị cáo và N bán cho B ngày 30/6/2017, là của bị cáo mua của 01 người thanh niên tên K (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại khu vực phường C với giá 3.000.000 đồng vào ngày 27/6/2017. Ngày 05/7/2017, P nhờ chị Phan Thị Đ và 01 thanh niên tên D (không rõ lai lịch, địa chỉ) mua hộ 3.000.000 đồng ma túy đá, sau đó đem về nhà chia thành các túi nhỏ, trong đó 02 túi bán cho Đ ngày 06/7/2017 và ngày 07/07/2017, 02 túi để ở khay nhựa màu xanh để ở kệ gỗ mục đích để bán, 01 túi cất vào ngăn tủ nhựa mục đích để sử dụng. Các túi ma túy Ke và Heroine bị cáo mua của 01 người tên T (không rõ lai lịch, địa chỉ), tại khu vực phường C, với giá 1.200.000 đồng, mục đích để bán kiếm lời. Còn 01 túi chất bột màu trắng ký hiệu là M4 và 01 túi chất bột màu vàng nâu ký hiệu M8 bị cáo không nhớ rõ nguồn gốc mua của ai, mua ở đâu. Tất cả số tiền mua ma túy về nhà đều là của bị cáo lao động mà có, vì cùng nghiện ma túy nên cả hai vợ chồng bị cáo đều tự đi mua, không phải bàn bạc với nhau, không phải phân công nhiệm vụ cho nhau.

Về nguồn gốc các vật chứng khác công an thu giữ tại nhà bị cáo đúng như bị cáo N đã khai ở trên, bị cáo có sử dụng 02 chiếc điện thoại là: Iphone màu vàng và Nokia màu đen để liên lạc mua bán ma túy. Số tiền 28.200.000 đồng, trong đó có 20 triệu bị cáo vay của chị H (là chị gái của bị cáo) mục đích vay để lấy tiền về quê đón con và cho con đi chữa bệnh còn lại 8.200.000 đồng là tiền riêng của bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, không oan.

Chị Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thể hiện: Chị là chị gái ruột của bị cáo P, ngày 04/7/2017 bị cáo P đến hỏi chị vay số tiền 20 triệu đồng để đưa con đi khám bệnh, do là chị em nên chị đồng ý cho vay và đưa tiền cho P nhưng không viết giấy vay mượn. Sau đó số tiền này bị công an thu giữ trong quá trình khám xét tại nhà P, nay quan điểm của chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để trả lại cho bị cáo P số tiền này.

Chị Phan Thị Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: Chị có quen biết với vợ chồng bị cáo P, N, chị không mua ma túy cho P và cũng không biết D như P đã khai, ngoài ra chị có chiếc điện thoại Iphone màu ghi do thiếu tiền tiêu nên đã đưa cho N cầm cố để vay số tiền 2 triệu đồng, quan điểm của chị đề nghị được trả lại chiếc điện thoại này.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa là các anh: - Vũ Minh Đ có lời khai tại cơ quan điều tra cụ thể: Đ (tức B) sử dụng ma túy tổng hợp, đã nhiều lần mua ma túy của P và N để sử dụng nên không nhớ hết, chỉ nhớ những lần gần nhất là: Khoảng 20 giờ ngày 03/6/2017, Đ và M cùng nhau mỗi người góp 150.000 đồng để M đến nhà N mua của N 01 túi ma túy đá với giá 300.000 đồng. Tối ngày 29/6/2017, Đ mua của N 01 túi ma túy đá với giá 500.000 đồng, N còn nhờ Đ mua hộ một thẻ VTC mệnh giá 500.000 đồng rồi Đ nhắn tin bằng điện thoại gửi mã thẻ cho N. Khoảng 21 giờ, ngày 30/6/2017 Đ và M cùng nhau góp tiền để Đ đến mua của N 01 túi ma túy đá, loại Methamphetamine với giá 1.200.000 đồng, sau khi mua được ma túy Đ và M đã cùng sử dụng một ít, số còn lại thì chia nhau, đến sáng

ngày 01/7/2017 Đ đem phần ma túy còn lại đến nhà nghỉ T mục đích thuê phòng để sử dụng tiếp thì bị Công an phát hiện thu giữ ma túy. Khoảng 16 giờ ngày 06/7/2017 Đ điện thoại cho P hỏi mua 350.000 đồng tiền ma túy đá, P đồng ý bán và nhờ Đ mua hộ 200.000 đồng thẻ điện thoại, khi đến Đ đưa cho P 02 thẻ điện thoại và 150.000 đồng, P đưa cho Đ 01 túi ma túy đá, Đ mang về sử dụng hết. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/7/2017 Đ điện thoại cho P hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, P đồng ý bán và còn nhờ Đ mua hộ 03 thẻ điện thoại (01 thẻ Mobiphone và 02 thẻ Viettel), khi đến nhà P, Đ đưa cho P 03 thẻ điện thoại và P đưa cho Đ 01 túi ma túy đá, trên đường về khi đến khu vực tổ S, khu T1, phường C, thành phố C thì bị công an thành phố C kiểm tra bắt giữ.

- Nguyễn Thanh M có lời khai phù hợp với Nguyễn Minh Đ, M nhiều lần cùng Đ góp tiền mua ma túy của vợ chồng N – P, lần gần đây nhất là ngày 30/6/2017 góp 700.000 đồng để Đ mua ma túy của N rồi mang về sử dụng cùng Đ một ít, số còn lại thì chia nhau đến ngày 01/7/2017 M đã sử dụng hết thì bị công an triệu tập để lấy lời khai và lấy mẫu nước tiểu mang đi giám định.

- Nguyễn Thanh B có lời khai tại cơ quan điều tra: B sử dụng ma túy tổng hợp, B đã mua ma túy của N khoảng 10 lần, mua ma túy của P khoảng 5 lần, lần ít nhất là 300.000 đồng, lần nhiều là mua 1.000.000 đồng, lần mua gần nhất là khoảng 13 giờ ngày 30/6/2017, B gọi điện thoại cho N hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy Ke, khi đến nhà N đi cùng với Cao Xuân T, tại cổng nhà N, B gặp cả P, khi đó còn có cả Nguyễn Thanh M và Vũ Minh Đ cũng đến, Đ và M nói chuyện với N sau đó Đ và M đi về còn B vào trong nhà đưa tiền cho N, P là người đưa cho B 01 túi ma túy Ke, B nói mua để cho khách hát Karaoke nên N đã bớt B 200.000 đồng, P là người trả lại cho B 200.000 đồng. Đến ngày 01/7/2017 B đem ma túy Ke ra chưa kịp sử dụng thì bị Công an triệu tập nên B đã giao nộp số ma túy mới mua cho Công an.

- Cao Xuân T có lời khai phù hợp với lời khai của Nguyễn Thanh B về việc ngày 30/6/2017 T đi cùng với Bình đến nhà N – P để mua ma túy.

- Các anh Phạm Văn Q, Phạm Đình T, Trịnh Văn H, Bùi Đình C đều có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện đã chứng kiến việc công an thu giữ ma túy do Vũ Minh Đ, Nguyễn Thanh B giao nộp.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKS-CP ngày 16/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị P về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm: + Truy tố bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt:

- Nguyễn Văn N từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2017;

- Nguyễn Thị P từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 08/7/2017 đến ngày 15/7/2017).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với 02 bị cáo.

Áp dụng: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 két sắt có chữ Havico (kích thước 73x35x45)cm, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của bị cáo Nguyễn Thị P; Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia của Nguyễn Văn N. Tịch thu tiêu hủy: 03 cân tiểu ly điện tử, 01 bộ đồ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa, nắp chai đục lỗ cắm nõ thủy tinh và ống hút nhựa, 01 ví giả da, 03 thẻ điện thoại Viettel, 01 thẻ điện thoại Mobiphone, 01 khay nhựa, 24 vỏ túi nylon, cùng toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định.

Trả lại cho Nguyễn Văn N – Nguyễn Thị P: 02 máy tính bảng; 01 bộ camera gồm có 02 chiếc mắt thần, 01 đầu chia cổng Wifi, 01 thiết bị đầu thu FPT TV, 01 thiết bị báo trộm không dây nhãn hiệu Oulia; Trả lại cho Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động Iphone màu ghi, 01 điện thoại di động Sony Ericso; Trả lại cho Nguyễn Thị P số tiền 28.200.000 đồng, do không liên quan đến việc phạm tội.

Truy thu tổng số tiền 3.150.000 đồng do các bị cáo bán ma túy mà có. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển số 14B1- xxx.xx đã được cơ quan cảnh sát điều tra tách ra nên không đề cập xử lý.

Tại phần tranh luận, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo thấy ân hận với hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được qui định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 29/01/2018, bị cáo Nguyễn Văn N không thừa nhận về hành vi tàng trữ trái phép 9,52 gam ma túy loại Ketamine thu giữ trong két sắt là để sử dụng và không thừa nhận bị bắt khẩn cấp vào ngày 09/7/2017 mà đến đầu thú tại cơ quan điều tra vào khoảng 22 giờ ngày 08/7/2017; Do đó Tòa án nhân dân thành phố C đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung ngày 29/01/2018, quá trình điều tra bổ sung và truy tố lại đối với bị cáo N cũng như quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P đều không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị P khai nhận về hành vi phạm tội đúng với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, cơ bản phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu như: Biên bản khám xét lập hồi 20 giờ 10 phút ngày 07/7/2017; 02 Biên bản về việc bắt người; Biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng cũng như các Bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh cũng như Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặc dù cả bị cáo N và bị cáo P không thừa nhận bán ma túy cho các đối tượng nghiện từ cuối năm 2016, bị cáo N không thừa nhận đã bán

ma túy cho Vũ Minh Đ và Nguyễn Thanh M ngày 03/6/2017 và khoảng 21 giờ ngày 30/6/2017 nhưng cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử vẫn có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị P đã có hành vi nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho Vũ Minh Đ và Nguyễn Thanh B để Đ và B sử dụng. Ngoài ra bị cáo N còn tàng trữ 9,52 gam ma túy loại Ketamine, bị cáo P còn có hành vi tàng trữ trái phép 2,07 gam chất ma túy, loại Methamphetamine, 0,18gam chất ma túy, loại Ketamine, 0,79gam chất ma túy loại Heroine để bán và tàng trữ 0,29gam chất ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ nên chấp nhận lời luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo.

[3] Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được tác hại của ma túy và tính trái pháp luật của việc mua bán trái phép chất ma túy, cả hai bị cáo thừa nhận bán ma túy đều vì mục đích kiếm lời để có tiền mua ma túy về sử dụng và còn để chi phí sinh hoạt cho gia đình. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội, vi phạm Luật Phòng, chống ma túy mà còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Đây là tệ nạn xã hội gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân, để tăng cường biện pháp đấu tranh, phòng chống tội phạm ma túy trên địa bàn thành phố nói chung cũng như để giáo dục, trừng trị riêng đối với các bị cáo nên cần có một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” của bị cáo N với người bị hại Nguyễn Thanh B, anh B đã có đơn xin rút yêu cầu khởi tố trước khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên đã được Tòa án ra quyết định đình chỉ xét xử đối với hành vi phạm tội này theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, là vợ chồng và cùng mua ma túy về sử dụng và bán, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ nên phải chịu trách nhiệm ngang nhau tương ứng với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Bị cáo P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo N có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo thiếu ý thức rèn luyện bản thân.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét, tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, bị cáo P phạm tội trong thời gian nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, cho bị cáo P hưởng mức án thấp hơn bị cáo Nam để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định lại nghiện ma túy, vì vậy cần miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan công an thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng của bị cáo Nguyễn

Thị P; 01 điện thoại di động Nokia của Nguyễn Văn N; 01 két sắt có chữ Havico (kích thước 73x35x45)cm, các bị cáo sử dụng các vật chứng này vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước:

Cần tịch thu tiêu hủy: 24 vỏ túi nilon; 03 cân tiểu ly điện tử, 01 bộ đồ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa, nắp chai đục lỗ cắm nõ thủy tinh và ống hút nhựa. 01 ví giả da, 03 thẻ điện thoại Viettel, 01 thẻ điện thoại Mobiphone, 01 khay nhựa để đựng ma túy cùng toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định.

Trả lại cho Nguyễn Văn N – Nguyễn Thị P: 02 máy tính bảng, 01 bộ camera gồm có 02 chiếc mắt thần, 01 đầu chia cổng Wifi, 01 thiết bị đầu thu FPT TV, 01 thiết bị báo trộm không dây nhãn hiệu Oulia; Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại Sony Ericson.

Chị Hạt có lời khai đề nghị HĐXX xem xét trả lại số tiền 20 triệu đồng cho bị cáo P vay, xét đây là giao dịch dân sự giữa chị Đ và bị cáo P nên không xem xét để trả lại cho chị H mà cần trả lại cho bị cáo P tổng số tiền không liên quan đến việc phạm tội thu giữ của bị cáo P là 28.200.000 đồng. 01 điện thoại Iphone màu ghi bị cáo N cầm của chị Đ để cho chị Đ vay tiền, đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo N và chị Đ, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo N.

Bị cáo P bán ma túy 02 lần cho Đ thu được số tiền 650.000 đồng, bị cáo cùng N bán ma túy cho B được 800.000 đồng, số tiền này bị cáo P trực tiếp nhận và chi tiêu nên cũng cần buộc bị cáo P phải nộp lại, tổng số tiền bị cáo P phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước là 1.450.000 đồng. Không đủ căn cứ chứng minh bị cáo N đã bán ma túy cho Nguyễn Thanh M, Vũ Minh Đ 01 gói ma túy vào ngày 03/6/2017 và 01 gói ma túy với giá 1.200.000 đồng vào khoảng 21 giờ ngày 30/6/2017 nên không buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; Bị cáo N trực tiếp bán cho Đ 01 túi ma túy với giá 500.000 đồng vào tối ngày 29/6/2017 nên cần buộc bị cáo N phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước

Đối với người tên K, D, T bán ma túy cho P; Lê Thị G là người bán ma túy cho N, T là người môi giới cho N bán ma túy hiện không rõ lai lịch, địa chỉ nên không có cơ sở để làm rõ.

Đối với Phan Thị Đ và Bùi Thế C, không thừa nhận mua bán ma túy với N và P, ngoài lời khai của N và P không có chứng cứ nào khác, nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Vũ Minh Đ và Nguyễn Thanh B có hành vi mua ma túy để sử dụng, nhưng chưa đến mức xử lý hình sự, Công an thành phố Cẩm Phả đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 14B1-xxx.xx xác định xe bị đục, tẩy xóa số khung, số máy nên không xác định được chủ sở hữu, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tách ra để làm rõ xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 (đối với bị cáo P) Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị P phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt: + Nguyễn Văn N 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2017;

+ Nguyễn Thị P 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 08/7/2017 đến ngày 15/7/2017).

- Căn cứ vào: Điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, Model: RM- 1133, số IMEI 1: 356018086072461, số IMEI 2: 356018086072479, kèm 02 sim, 01 pin.

+ 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, Model: RM- 1134, số IMEI: 356897077364973, kèm 01 sim, 01 pin.

+ 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng trắng, Model: A1687 FCC ID: BCG – E2944A IC: 579C – E2944A, kèm 01 sim.

+ 01 (một) Két sắt có chữ HAVICO, màu xanh, kích thước (73 x 35x 45)cm, không có chìa khóa.

Tịch thu tiêu hủy: 24 vỏ túi nilon màu trắng; 02 cân tiểu ly điện tử màu xanh đã cũ, 01 cân tiểu ly điện tử màu đen, đã cũ; 01 bộ đồ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa, nắp chai đục lỗ cắm nõ thủy tinh và ống hút; 01 ví giả da màu đỏ; 03 thẻ nạp tiền điện thoại Viettel, 01 thẻ điện thoại Mobifone; 01 khay nhựa màu xanh; 04 (bốn) phong bì số: 438/GĐMT, 439/GĐMT, 455/GĐMT, 456/GĐMT còn nguyên dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Ninh, 01 (một) phong bì số 4302/C54 (TT2) còn nguyên dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát, các phong bì bên trong đều chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định.

Trả lại cho các bị cáo: + 01 (một) Máy tính bảng nhãn hiệu Mobell, màu trắng, vỏ mặt sau màu vàng, không kèm sim.

+ 01 (một) máy tính bảng màu trắng nâu, không kiểm tra được Model, không kèm sim. Máy tính bảng đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

+ 02 (hai) Chiếc mắt thần màu đen trắng, đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

+ 01 (một) Đầu chia cổng Wifi nhãn hiệu FPT, màu trắng, Model: HG531 V1, đã cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) Thiết bị đầu thu FPT TV, màu đen, Serial number: FPT 1145M000023637TW, đã cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) Thiết bị báo trộm không dây nhãn hiệu Oulia, màu trắng, đã cũ, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo N: 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu ghi, Model: A1533 FCC ID: BCG – E 2642 B, IMEI: 013853004466964, không kèm

sim; 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Sony ericsson, màu đen, Model: X10i, không kiểm tra được số IMEI, kèm 01 sim, 01 pin.

Buộc bị cáo P phải nộp lại 1.450.000 (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, bị cáo N phải nộp lại 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo P 28.200.000 (Hai tám triệu hai trăm nghìn) đồng không liên quan đến việc phạm tội.

Tình trạng vật chứng, tài sản thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 49 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN;
- Viện kiểm sát nhân dân TP C;
- Công an TP C, CQ THA hình sự;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- Chi cục thi hành án dân sự TP C;
- Bị cáo, Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

